TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/DS-PT
Ngày 28 tháng 8 năm 2023

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Trung Tín, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2023/QĐ-PT, ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 119, đường L, phường H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông Dư Văn P, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 52, đường Nguyễn Văn L, khóm N, phường M, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. (giấy ủy quyền ngày 17/4/2023)

- *Bị đơn:* Bà Bùi Kim N, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Kim N, sinh năm 1977

(ông P, bà N có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Bùi Kim N và ông Nguyễn Văn T có mượn tiền của ông Nguyễn Tuấn K nhiều lần, tính đến ngày 01/6/2022 thì vợ chồng bà N còn nợ ông K số tiền 600.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận vợ chồng bà N chuyển quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất tại thửa đất số 84, tờ bản đồ 41, diện tích 294,5m^2, tọa lạc tại ấp Long Hậu, thị trấn P Long, huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu với số tiền 450.000.000đồng để cấn trừ số tiền 600.000.000 đồng, còn lại 150.000.000đ vợ chồng bà N trả trong vòng 05 tháng, không tính lãi. Hai bên có làm giấy cam kết nợ tiền ghi ngày 01/6/2022 (nhằm ngày 16/5/2022 âm lịch), có chữ ký của ông K, vợ chồng bà N, ông T và hai người làm chứng là bà Trần Phương Thúy và anh Phan Phúc Linh.

Sau khi thỏa thuận xong thì vợ chồng bà N đưa cho ông K 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 044030, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P Long cập nhật biến động chuyển nhượng 22/9/2017 cho bà Bùi Kim N đứng tên tại thửa đất số 84, tờ bản đồ 41, diện tích 294,5m^2, tọa lạc tại ấp Long Hậu, thị trấn P Long, huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu để ông K làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên. Tuy nhiên, khi ông K làm thủ tục công chứng sang tên và yêu cầu vợ chồng bà N đến ký hợp đồng chuyển nhượng thì vợ chồng bà N không đến, cũng không trả số tiền còn nợ cho ông. Nay, ông Nguyễn Tuấn K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Bùi Kim N và ông Nguyễn Văn T trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/6/2022 đến khi xét xử xong vụ án trên số tiền gốc 600.000.000 đồng, với lãi suất 10%/năm.

Bị đơn bà Bùi Kim N trình bày: Bà N đồng ý là có vay mượm tiền của ông K nhiều lần và hiện còn nợ ông Nguyễn Tuấn K số tiền 600.000.000 đồng, nhưng số mà ông K kiện đòi bà không phải là tiền gốc, thực tế bà chỉ mượn ông K số tiền 395.000.000 đồng, số tiền trên ông K đưa làm nhiều lần, đến ngày 16/5/2022 (âm lịch) thì ông K tổng kết lại số tiền nợ là 719.235.000 đồng. Sau đó bà N dùng 01 chiếc xe Ben do người khác đứng tên, trị giá 120.000.000 đồng đề cấn trừ vào số tiền nợ trên, nên còn nợ ông K 599.235.000 đồng. Sau đó ông K yêu cầu vợ chồng bà ký giấy cam kết nợ với số tiền 600.000.000 đồng.

Nay, bà N xác định có mượn ông K 395.000.000 đồng, đã cấn trừ 120.000.000 đồng, bà còn nợ ông K số tiền gốc là 275.000.000 đồng, không phải 600.000.000 đồng như ông K yêu cầu. Lý do vợ chồng bà ký vào tờ cam kết nợ tiền ngày 16/5/2022 âm lịch (nhằm ngày 14/6/2022 dương lịch) là do ông K kêu vợ chồng bà ký để ông K đi vay nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được T tập hợp lệ nhưng vắng mặt và củng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST, ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn K đối với bà Bùi Kim N và ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Bùi Kim N và ông Nguyễn Văn T trả cho ông Nguyễn Tuấn K số tiền nợ là 642.833.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 42.833.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 13/3/2023 bà Bùi Kim N kháng cáo một phần Bản án số 05/2023/DS-ST, ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Bà N không đồng ý số tiền vợ chồng bà nợ ông K 600.000.000 đồng và tiền lãi, mà bà chỉ còn nợ ông K số tiền 275.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo là bà Bùi Kim N giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Kim N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Kim N kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án T tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoảng 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Bùi Kim N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án bà N thừa nhận có vay mượn tiền của ông Nguyễn Tuấn K nhiều lần. Giữa vợ chồng bà Bùi Kim N, ông Nguyễn Văn T và ông K có lập giấy cam kết nợ tiền ghi ngày 14/6/2022 (nhằm ngày 16/5/2022 âm lịch) nội dung thể hiện bà Bùi Kim N và ông Nguyễn Văn T còn nợ ông Nguyễn Tuấn K tổng số tiền 600.000.000 đồng là có xảy ra trong thực tế. Việc bà N, ông T

ký giấy cam kết nợ hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, bà N và ông T có đọc lại nội dung, đồng ý ký tên vào tờ cam kết nợ. Ngoài ra còn có hai người làm chứng là chị Trần Phương T1 và anh Phan Phúc L ký vào giấy cam kết nợ.

[2.2] Bà Bùi Kim N cung cấp cho Tòa án các bản phô tô giấy ghi tay thể hiện việc tính tiền mua bán xe cuốc, xe ủi, các giấy tờ nêu trên chỉ thể hiện việc mua bán xe, tiền lãi suất nhưng không thể hiện rõ ai là người mua, ai là người bán, cũng không thể hiện các bên giao dịch và thanh toán thế nào. Bà N căn cứ vào các giấy tờ mua bán nêu trên để cho rằng bà còn nợ ông K số tiền 275.000.000 đồng là không có cơ sở cho lời trình bày của bà. Đồng thời, tại giấy cam kết nợ ngày 14/6/2022 (nhằm ngày 16/5/2022 âm lịch) thể hiện vợ chồng bà N nợ ông K tổng số tiền 600.000.000 đồng, không phải tiền mua bán xe như bà N trình bày, do đó chứng cứ của bà N đưa ra là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của ông, các chứng cứ trên đều hợp pháp và củng phù hợp với lời trình bày của các nhân chứng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn K, về việc yêu cầu bà N và ông T trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Kim N, giữ nguyên Bản án số 05/2023/DS-ST, ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về phần lãi suất: Xét thấy, khi giao dịch vay mượn tiền thì các bên không xác định được lãi suất cụ thể là bao nhiêu và cũng không thỏa thuận thời gian trả lãi, do đó căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự "*Trường hợp vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu tính lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này"*. Do bà N và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có nghĩa vụ trả lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (bằng 50% lãi suất giới hạn), nguyên đơn yêu cầu lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 14/6/2022 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 03/3/2023 là 08 tháng 17 ngày x 600.000.000 đồng x 10%/năm = 42.833.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ.

Tuy nhiên, phần nhận định *"đây là khoản vay không kỳ hạn và có lãi và áp dụng khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự là chưa đúng"*, cấp phúc thẩm sửa phần áp dụng điều luật cho đúng qui định, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Kim N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần quyết định khác của bản án không có kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Kim N.

Giữ nguyên Bản án số 05/2023/DS-ST, ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn K đối với bà Bùi Kim N và ông Nguyễn Văn T trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi 10%/năm trên số tiền gốc.

Buộc bà Bùi Kim N và ông Nguyễn Văn T liên đới trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tuấn K số tiền là 642.833.000đồng *(Sáu trăm bốn mươi hai tiệu, tám trăm ba mươi ba ngàn đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi 42.833.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Kim N và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí là 29.713.320 đồng. Ông Nguyễn Tuấn K không phải chịu án phí. Ông K đã nộp tiền tạm ứng án phí 14.200.000 đồng theo biên lai số 0005422, ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm bà Bùi Kim N phải chịu là 300.000 đồng. Bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012517, ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của

Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tân